

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 31-8-2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lưu Thị Mỹ Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Trương Thị Thu Hà

Bà Trần Thị Đẹp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích Liễu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29/11/2021 về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXX-ST ngày 02 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Trần Thị T, sinh năm 1996; địa chỉ: Xã Ngọc T, huyện Giồng R, tỉnh Kiên Giang; có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Lê Hoàng Duy N, sinh năm 1987, quốc tịch: Việt Nam; địa chỉ: 2600 S 142 S CA 95111, vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn xin ly hôn ngày 10/11/2021, nguyên đơn bà Trần Thị T trình bày:

Bà T và ông Lê Hoàng Duy N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 11 tháng 6 năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do

tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, hay cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ cuối tháng 7 năm 2019, hiện tại ông N sinh sống ở nước ngoài còn bà T sống ở Việt Nam nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T làm đơn khởi kiện ly hôn ông Lê Hoàng Duy N.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung thì giữa bà T và ông Lê Hoàng Duy N không có con chung, tài sản chung, nợ chung nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật để tổng đạt cho ông Lê Hoàng Duy N các văn bản như: *Đơn xin ly hôn đề ngày 10/11/2021 của bà Trần Thị T; Trích lục kết hôn (bản sao) số 425/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam cấp; Thông báo thụ lý vụ án số 41/TB-TLVA, ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Việt Nam và Công văn số: 04/TA-HNGĐ, ngày 08/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.* Tuy nhiên, ông Lê Hoàng Duy N vẫn không có ý kiến gửi Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Hôn nhân giữa bà T và ông N là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, hay cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ cuối tháng 7 năm 2019, hiện tại ông N sinh sống ở nước ngoài còn bà T sống ở Việt Nam nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của nguyên đơn và ý kiến của Kiểm sát viên,

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Trần Thị T và ông Lê Hoàng Duy N đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 11 tháng 6 năm 2019. Bà T hiện đang cư trú tại xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Ông Lê Hoàng Duy N đang sống và làm việc tại 2600 S RD APT 142 S CA 95111. Do đó, theo quy định tại các

Điều: 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình và các Điều: 28, 37, 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã thực hiện thủ tục Ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật để tổng đạt cho ông Lê Hoàng Duy N các văn bản như *Đơn xin ly hôn đề ngày 10/11/2021 của bà Trần Thị T; Trích lục kết hôn (bản sao) số 425/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam cấp; Thông báo thụ lý vụ án số 41/TB-TLVA, ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Việt Nam và Công văn số: 04/TA-HNGĐ, ngày 08/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*, nhưng ông Lê Hoàng Duy N vắng mặt. Bà Trần Thị T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều: 227, 228, 238, 477 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Bà T và ông Lê Hoàng Duy N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 11 tháng 6 năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc và thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, hay cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân từ cuối tháng 7 năm 2019, hiện tại ông N sinh sống ở nước ngoài còn bà T sống ở Việt Nam nên tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T làm đơn khởi kiện ly hôn ông Lê Hoàng Duy N. Về phía ông N, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp theo quy định của pháp luật để tổng đạt cho ông Lê Hoàng Duy N các văn bản như: *Đơn xin ly hôn đề ngày 10/11/2021 của bà Trần Thị T; Trích lục kết hôn (bản sao) số 425/TLKH-BS do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam cấp; Thông báo thụ lý vụ án số 41/TB-TLVA, ngày 29/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương, Việt Nam và Công văn số: 04/TA-HNGĐ, ngày 08/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về việc yêu cầu bị đơn có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*. Đồng thời Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã gửi các văn bản nêu trên qua dịch vụ chuyển phát nhanh quốc tế cho ông Lê Hoàng Duy N; và ông Lê Hoàng Duy N đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông N vẫn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà T. Xét, yêu cầu ly hôn của bà T thấy rằng theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình thì “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. 2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...” mục đích hôn nhân giữa bà T và ông

Lê Hoàng Duy N không đạt được, vì quyền lợi chung của hai bên nên cần phải chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông Lê Hoàng Duy N, phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên là phù hợp pháp luật.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chi phí, lệ phí ủy thác tư pháp và chi phí dịch thuật: Bà Trần Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều: 19, 51, 56, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ các Điều: 28, 37, 40, 147, 153, 227, 228, 238, 266, 271, 273, 477, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với ông Lê Hoàng Duy N về việc "tranh chấp ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T được ly hôn ông Lê Hoàng Duy N.

- Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị T không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000014, ngày 23/11/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương.

3. Về chi phí ủy thác tư pháp thực tế và chi phí dịch thuật: Bà Trần Thị T phải chịu, được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp.

Bà Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Ông Lê Hoàng Duy N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Dương;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương;
- Ủy ban nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Tổ Hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Gia đình và Người chưa thành niên.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Thị Mỹ Hương**